

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG

CÔNG VĂN ĐỀM

Số.....ngày 10 tháng 11 năm 2020

## TỜ TRÌNH

### Về việc Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Đắk Nông năm 2019

Thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước và Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN), Kho bạc Nhà nước (KBNN) Đắk Nông có nhiệm vụ tổng hợp, lập BCTCNN tỉnh năm 2019 và trình UBND tỉnh để báo cáo Hội đồng Nhân dân (HĐND) tỉnh vào kỳ họp cuối năm 2020.

Đến nay, việc tổng hợp, lập BCTCNN tỉnh năm 2019 đã cơ bản hoàn thành. Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông đã có ý kiến về BCTCNN năm 2019 tại Công văn số 2312/STC-QLNS ngày 10 tháng 11 năm 2020. KBNN Đắk Nông trình UBND tỉnh về BCTCNN tỉnh năm 2019, đồng thời báo cáo UBND tỉnh về một số nội dung cụ thể có liên quan như sau:

### I. Mục đích, ý nghĩa

#### 1. Mục đích

BCTCNN tỉnh tổng hợp và thuyết minh về tình hình tài chính nhà nước tỉnh (tài sản công, nợ công, vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các tài sản, nguồn vốn khác của Nhà nước) tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

#### 2. Ý nghĩa

BCTCNN tỉnh là một trong các công cụ phục vụ cho các cấp lãnh đạo của tỉnh phân tích, đánh giá hiện trạng và quản lý toàn bộ các nguồn lực, nghĩa vụ và tình hình sử dụng các nguồn lực của Nhà nước (tài sản công, nợ công, thu nhập, chi phí...). Góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch của thông tin tài chính nhà nước, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

### II. Đối tượng và phạm vi

#### 1. Đối tượng của BCTCNN tỉnh:

- Cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh: cơ quan quản lý, thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) các cấp (Thuế, KBNN); Cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của Nhà nước các cấp (Sở Tài chính, Cục quản lý công sản Bộ Tài chính);

- Cơ quan nhà nước, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;
- Đơn vị sự nghiệp công lập.

## **2. Về phạm vi của BCTCNN tỉnh:**

BCTCNN tỉnh được tổng hợp các thông tin tài chính nhà nước từ:

- Thông tin tài chính trên báo cáo cung cấp thông tin của 34 đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh; Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính của 08 đơn vị huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, các báo cáo này được tổng hợp từ Báo cáo cung cấp thông tin tài chính của 197 đơn vị dự toán cấp I thuộc huyện, thành phố;

- Thông tin tài chính của các cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của nhà nước:

+ Số liệu thu và phải thu NSNN của cơ quan thuế (Cục thuế và các Chi cục thuế khu vực);

+ Số liệu vay nợ của tỉnh (do Vụ NSNN - Bộ Tài chính cung cấp);

+ Số liệu về tài sản kết cấu hạ tầng của tỉnh (do Sở Tài chính cung cấp);

+ Số liệu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp tỉnh quản lý (do Sở Tài chính cung cấp);

+ Số liệu về tồn quỹ ngân sách và một số số liệu thu, chi NSNN khác chưa có trong các báo cáo nêu trên (Thu viện trợ không hoàn lại cho NSNN; Nhận bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên; Thu hồi, nhận hoàn trả kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp dưới; Thu khác của ngân sách xã...; Chi từ nguồn NSNN cho các khoản hoàn, nộp thừa thuế và các khoản thu khác; Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới; Chi hoàn trả kinh phí bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp trên; Chi ngân sách xã...) do KBNN Đắk Nông và các KBNN huyện tổng hợp từ Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (gọi tắt là TABMIS).

- Thông tin tài sản thuần của 71 UBND xã và 05 Ban quản lý dự án.

- BCTCNN tỉnh đã loại trừ giá trị giao dịch nội bộ phát sinh giữa các cấp ngân sách, giữa các cơ quan, đơn vị trong khu vực Nhà nước trên địa bàn tỉnh, như: Các khoản phải thu/ phải trả nội bộ, doanh thu/chi phí nội bộ trong các đơn vị dự toán cấp 1 và giữa các đơn vị dự toán cấp 1 trong tỉnh; Nhận bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu: loại trừ số bổ sung của tỉnh cho huyện và huyện nhận của tỉnh; Hoàn trả kinh phí bổ sung có mục tiêu cho ngân sách trên: loại trừ phần của huyện trả cho tỉnh và tỉnh thu của huyện...

## **III. Nội dung**

BCTCNN tỉnh gồm có 4 báo cáo sau:

- Báo cáo tình hình tài chính nhà nước: Báo cáo về tình hình tài sản của Nhà nước (tiền, phải thu, vật tư, hàng hóa đầu tư tài chính, tài sản cố định...) và các nguồn hình thành tài sản (nguồn vốn của Nhà nước, nợ Nhà nước phải trả);

- Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước (Báo cáo thu, chi nhà nước theo phương pháp dồn tích): Báo cáo về các khoản thu, chi phát sinh trong năm của Nhà nước, bao gồm các khoản thu chi phát sinh trong năm của NSNN và các

khoản thu chi phát sinh trong năm ngoài NSNN; thặng dư/thâm hụt tài chính trong phạm vi năm tài chính;

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Báo cáo về luồng tiền thu vào, chi ra của Nhà nước trong phạm vi năm tài chính;

- Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước: Các thuật ngữ, phương pháp ghi nhận, nội dung các số liệu chi tiết bổ sung cho các báo cáo nêu trên.

## **1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước (Phụ lục I đính kèm)**

### **1.1. Về tài sản**

Tổng giá trị tài sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh tại thời điểm ngày 31/12/2019: 25.824 tỷ đồng.

*Trong đó:*

- Tổng giá trị tài sản ngắn hạn: 3.774 tỷ đồng chiếm 14,61% tổng giá trị tài sản, trong đó tiền và các khoản tương đương tiền: 2.984 tỷ đồng, chiếm 79,07% tài sản ngắn hạn của tỉnh (Tiền của NSNN: 2.599 tỷ đồng, chiếm 87,10% so với tài sản là tiền và tương đương tiền; Tiền của đơn vị: 385 tỷ đồng, chiếm 12,90% trong tổng tiền).

Như vậy, số dư tiền cuối năm trên BCTCNN tỉnh chủ yếu là tiền của ngân sách nhà nước phản ánh trên số tồn quỹ NSNN. Tiền và tương đương tiền tăng so với năm trước: 1.056 tỷ đồng, tương đương 54,77%, chủ yếu do tăng ở tiền tồn quỹ NSNN.

- Tổng giá trị tài sản dài hạn: 22.050 tỷ đồng, chiếm 85,39% tổng giá trị tài sản, chủ yếu là tài sản cố định hữu hình: 16.157 tỷ đồng, chiếm 73,27% tài sản dài hạn của tỉnh (Tài sản kết cấu hạ tầng: 13.404 tỷ đồng, chiếm 82,96% tài sản cố định hữu hình; Bất động sản, nhà cửa, thiết bị: 2.753 tỷ đồng, chiếm 20,54% tài sản cố định hữu hình).

So với số liệu tại thời điểm ngày 31/12/2018, tổng giá trị tài sản tại thời điểm ngày 31/12/2019 tăng tuyệt đối: 15.716 tỷ đồng (Tài sản ngắn hạn tăng 1.123 tỷ đồng, tài sản dài hạn tăng 14.593 tỷ đồng) tương đương 155,48%. Việc tổng giá trị tài sản có biến động lớn giữa hai thời điểm là do BCTCNN năm 2018 chưa có số liệu về tài sản kết cấu hạ tầng, bất động sản, nhà cửa, thiết bị và quyền sử dụng đất.

### **1.2. Về nợ phải trả:**

Tổng nợ phải trả của nhà nước thuộc phạm vi của tỉnh tại ngày 31/12/2019: 558 tỷ đồng.

*Trong đó:*

- Nợ phải trả ngắn hạn: 494 tỷ đồng, chiếm 88,53% tổng nợ phải trả, đây là khoản nợ phải trả ngắn hạn khác: chủ yếu là các khoản phải trả khách hàng; tạm thu; phải trả khác của các đơn vị cấp I (Sở Y tế: 151 tỷ đồng, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 248 tỷ đồng, Tỉnh ủy: 38 tỷ đồng...).

- Nợ phải trả dài hạn: 64 tỷ đồng, chiếm 11,47% tổng nợ phải trả, chủ yếu là nợ chính quyền địa phương (55 tỷ đồng), chiếm 85,94% nợ phải trả dài hạn. Các khoản phải trả dài hạn khác (4 tỷ đồng), chiếm 6,25% nợ phải trả dài hạn, chủ yếu là các khoản thu hộ, chi hộ, ký cược, ký quỹ, nợ phải trả khác . . . tại Đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh (Sở Y tế).

### **1.3. Về nguồn vốn:**

Tổng nguồn vốn của nhà nước thuộc phạm vi tỉnh tại ngày 31/12/2019: 25.266 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Nguồn vốn hình thành tài sản: 4.873 tỷ đồng, chiếm 19,29% tổng nguồn vốn.

+ Số thặng dư lũy kế: 19.240 tỷ đồng, chiếm 76,15% tổng nguồn vốn.

+ Nguồn vốn khác: 1.153 tỷ đồng, chiếm 4,62% tổng nguồn vốn.

So với số liệu tại thời điểm ngày 31/12/2018, tổng nguồn vốn tại thời điểm ngày 31/12/2019 tăng tuyệt đối là 15.588 tỷ đồng tương đương 161,07%. Trong đó thặng dư lũy kế tăng 14.580 tỷ đồng. Các biến động lớn này chủ yếu do BCTCNN năm 2018 chưa có số liệu về tài sản kết cấu hạ tầng, bất động sản, nhà cửa, thiết bị và quyền sử dụng đất.

## **2. Về Báo cáo Kết quả hoạt động tài chính nhà nước (Phụ lục II đính kèm)**

Năm 2019, tổng thu nhập Nhà nước của tỉnh đạt 7.432 tỷ đồng, trong đó 6.927 tỷ đồng là doanh thu thuộc ngân sách nhà nước, chiếm 93,21% tổng doanh thu tài chính, theo chi tiết sau:

- Doanh thu từ thuế: 1.337 tỷ đồng (chiếm 19,30% doanh thu thuộc NSNN);

- Doanh thu từ phí, lệ phí: 251 tỷ đồng (chiếm 3,62% doanh thu thuộc NSNN).

- Doanh thu khác là chủ yếu: 5.339 tỷ đồng (chiếm 77,08% doanh thu thuộc NSNN) trong đó gồm:

+ Thu nhập từ bán, chuyển nhượng TSCĐ của Nhà nước: 1 tỷ đồng.

+ Thu nhập từ cho thuê TSCĐ của Nhà nước: 62 tỷ đồng.

+ Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản: 21 tỷ đồng.

+ Thu khác: 5.254 tỷ đồng (Trong đó: Nhận bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương: 4.799 tỷ đồng; Thu hồi, nhận hoàn trả kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp dưới: 43 tỷ đồng; Thu khác về thuế: 355 tỷ chủ yếu là tiền sử dụng đất...).

Tổng chi phí của tỉnh năm 2019: 4.133 tỷ đồng, trong đó chi phí từ nguồn NSNN: 3.594 tỷ đồng (bằng 86,93% tổng chi phí), trong đó:

- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người: 2.249 tỷ đồng (chiếm 62,58% chi phí từ nguồn NSNN).

- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ: 257 tỷ đồng (chiếm 7,15% chi phí từ nguồn NSNN).

- Chi phí hao mòn: 182 tỷ đồng (chiếm 5,06% chi phí từ nguồn NSNN).

- Chi phí khác: 906 tỷ đồng (chiếm 25,21% chi phí từ nguồn NSNN).

Như vậy thặng dư trong năm 2019: 3.299 tỷ đồng, trong đó: Thặng dư hoạt động tài chính thuộc ngân sách nhà nước trong năm: 3.333 tỷ đồng; Thâm hụt hoạt động tài chính không thuộc ngân sách nhà nước trong năm: 34 tỷ đồng (Việc thâm hụt của hoạt động tài chính không thuộc ngân sách nhà nước chủ yếu là do doanh thu không đảm bảo chi phí tại các đơn vị sự nghiệp công lập).

### **3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Phụ lục III đính kèm)**

Do số liệu về luồng tiền cuối kỳ năm 2018 chưa được thể hiện và cập nhật đầy đủ dẫn đến việc tổng hợp, kết xuất báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019 chưa được đầy đủ, số liệu báo cáo chưa phản ánh thật sự chính xác tình hình và hoạt động tài chính trong khu vực nhà nước của tỉnh. Do đó, Kho bạc Nhà nước Đắk Nông không phân tích số liệu của báo cáo này.

### **4. Thuyết minh BCTCNN (Phụ lục IV)**

## **IV. Giải trình một số khác biệt giữa BCTCNN tỉnh và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2019**

Do phạm vi và phương pháp lập BCTCNN khác với báo cáo quyết toán NSNN nên số liệu trên BCTCNN và Báo cáo quyết toán NSNN có một số điểm khác biệt giữa các chỉ tiêu, cụ thể như sau:

### **1. Khác biệt giữa tổng thu ngân sách trên báo cáo Quyết toán NSNN và doanh thu thuộc NSNN trên BCTCNN:**

a. Thu trên báo cáo quyết toán NSNN năm 2019: 12.910 tỷ đồng, trong đó:

- Các khoản thu phân chia tỷ lệ %: 1.065 tỷ đồng.

- Các khoản thu NSDP hưởng 100%: 1.218 tỷ đồng.

- Thu kết dư năm trước: 376 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: 1.924 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 8.243 tỷ đồng.

- Thu huy động đóng góp: 23 tỷ đồng.

- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 45 tỷ đồng.

- Vay của ngân sách cấp tỉnh: 16 tỷ đồng.

b. Tổng doanh thu thuộc NSNN trên BCTCNN: 6.927 tỷ đồng, trong đó:

- Doanh thu thuế: 1.337 tỷ đồng.

- Doanh thu phí, lệ phí: 251 tỷ đồng.

- Doanh thu khác: 5.339 tỷ đồng.

c. Sự khác biệt giữa số liệu thu trên báo cáo Báo cáo quyết toán NSNN và doanh thu thuộc NSNN trên BCTCNN là do:

- Các khoản thu NSDP hưởng 100%, thu phân chia theo tỷ lệ, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên đều được phản ánh vào Báo cáo quyết toán NSNN và BCTCNN. Tuy nhiên, các khoản thu kết dư, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên không được phản ánh vào doanh thu thuộc NSNN trên BCTCNN do đây là các giao dịch nội bộ được loại trừ hoặc được ghi nhận trong số dư đầu kỳ của chỉ tiêu tiền và tương đương tiền.

- Thu trên Báo cáo quyết toán NSDP là số thực thu bằng tiền, bao gồm cả số thu được của thuế năm 2019 từ các khoản nợ thuế những năm trước. Còn trên BCTCNN ngoài số thực thu phát sinh trong năm báo cáo còn bao gồm cả khoản thu phát sinh trong năm nhưng chưa thu được tiền (thu kế hoạch năm 2019).

So với tổng thu NSDP trên Báo cáo quyết toán NSDP (12.910 tỷ đồng), doanh thu thuộc NSNN trên BCTCNN (6.927 tỷ đồng) thấp hơn 5.983 tỷ đồng, do không bao gồm một số khoản như:

- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: 1.924 tỷ đồng.

- Thu kết dư năm trước: 376 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã: 493 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện: 2.950 tỷ đồng.

- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 46 tỷ đồng.

- Vay của ngân sách tỉnh: 16 tỷ đồng.

- Chênh lệch giữa số thu của thuế từ các khoản nợ thuế những năm trước và số phải thu năm 2019: 178 tỷ đồng.

## **2. Khác biệt giữa số liệu chi trên Báo cáo quyết toán NSNN và chi phí từ nguồn NSNN trên BCTCNN**

a. Tổng số chi trên báo cáo quyết toán NSNN: 12.437 tỷ đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 1.988 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên: 4.530 tỷ đồng.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1 tỷ đồng.

- Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 3.443 tỷ đồng.

- Chi chuyển nguồn cho năm sau: 2.340 tỷ đồng.

- Chi nộp ngân sách cấp trên: 86 tỷ đồng.

- Chi trả nợ vay: 49 tỷ đồng.

b. Tổng chi phí từ nguồn NSNN trên BCTCNN: 3.594 tỷ đồng, trong đó:

- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí cho con người: 2.249 tỷ đồng.
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ: 257 tỷ đồng.
- Chi phí hao mòn: 182 tỷ đồng.
- Chi phí khác: 906 tỷ đồng.

c. Sự khác biệt giữa số liệu chi trên báo cáo quyết toán NSNN và chi phí từ nguồn NSNN trên BCTCNN là:

- Chi trên Báo cáo quyết toán NSNN là các khoản chi bằng tiền trong năm và chi tiết theo hoạt động như: Chi đầu tư phát triển, chi trả nợ lãi, phí tiền vay, chi thường xuyên, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới, chi chuyển nguồn sang năm sau, chi nộp ngân sách cấp trên.

- Chi phí từ nguồn NSNN trên BCTCNN là các khoản chi phát sinh trong năm bao gồm cả các khoản đã chi, chưa chi bằng tiền và chi tiết trong dự toán được giao như: Chi cho con người; chi vật tư, công cụ, dụng cụ, dịch vụ; chi phí khấu hao, hao mòn; chi phí tài chính; chi phí khác.

- Các khoản chi trên Báo cáo quyết toán NSNN như: Chi đầu tư phát triển, chi chuyển nguồn sang năm sau, chi trả nợ lãi, phí tiền vay không được phản ánh vào chi phí từ nguồn NSNN trên BCTCNN; Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới là các giao dịch nội bộ và bị loại trừ khi tổng hợp BCTCNN.

- Chi phí khấu hao, hao mòn từ nguồn ngân sách được phản ánh vào chi phí trên BCTCNN nhưng không phản ánh vào các khoản chi trên báo cáo quyết toán NSNN.

So với tổng chi NSDP trên Báo cáo quyết toán NSDP (12.437 tỷ đồng), chi phí từ nguồn NSNN trên BCTCNN (3.594 tỷ đồng) thấp hơn 8.843 tỷ đồng, do không bao gồm một số khoản như:

- Chi đầu tư phát triển: 1.988 tỷ đồng.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1 tỷ đồng.
- Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 3.443 tỷ đồng.
- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 2.340 tỷ đồng.
- Chi nộp ngân sách cấp trên: 86 tỷ đồng.
- Chi trả nợ vay: 49 tỷ đồng.

- Ngoài ra, trên BCTCNN không tính đến các khoản chi thường xuyên của ngân sách địa phương cho an ninh, quốc phòng (184 tỷ đồng); chi cho các ngành thuộc trung ương (20 tỷ đồng); chi mua Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do ngân sách chi trả cho cơ quan Bảo hiểm xã hội (282 tỷ đồng)...

## **V. Đánh giá chung về lập BCTCNN tỉnh Đắk Nông**

### **1. Thuận lợi:**

Thực hiện Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, KBNN đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn và tổ chức tập huấn cho KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với công tác tổng hợp, lập BCTCNN; KBNN đã xây dựng hệ thống thông tin Tổng kế toán nhà nước đảm bảo phù hợp quy định, giúp công tác tổng hợp, kết xuất số liệu nhanh chóng, đầy đủ, chính xác, đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành của các cấp.

## **2. Khó khăn:**

Năm 2020 là năm thứ hai lập BCTCNN, tuy nhiên đây là một nội dung nghiệp vụ mới và khó đối với hệ thống KBNN. Cả KBNN và các đơn vị dự toán đều chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc tổng hợp, cung cấp số liệu, thông tin tài chính cũng chưa hoàn toàn đầy đủ, chính xác, nhất là các số liệu về tài sản cố định như: Tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, tài sản hữu hình, vô hình (cần phải tiếp tục cập nhật, điều chỉnh). Bên cạnh đó, phạm vi của BCTCNN rất rộng, còn nhiều chế độ kế toán nhà nước khác nhau đối với các loại hình đơn vị sử dụng NSNN. Đặc biệt, việc hiểu để có thể phân tích thực sự đầy đủ, chính xác về ý nghĩa của các số liệu trên các BCTCNN giúp cho công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền cũng là một khó khăn đối với hệ thống KBNN nói chung và KBNN Đắk Nông nói riêng.

## **3. Đề xuất:**

Trước nhiệm vụ được giao, để việc tổng hợp, lập BCTCNN năm 2020 và các năm tiếp theo đảm bảo chính xác, đầy đủ theo đúng quy định hiện hành, KBNN Đắk Nông đề xuất một số nội dung trong công tác tổng hợp, lập Báo cáo, cụ thể như sau:

- Đối với UBND tỉnh:

+ Về quản lý nguồn thu: Tiếp tục duy trì khai thác chặt chẽ các nguồn thu trên toàn tỉnh tăng cường biện pháp thu nợ đọng thuế, hạn chế nợ đọng phát sinh trong năm, đồng thời tăng cường công tác phối hợp thu NSNN giữa các đơn vị trong khối tài chính để trao đổi thông tin, hỗ trợ trong công tác thu nộp kịp thời vào NSNN.

+ Về theo dõi tài sản công theo luật quản lý, sử dụng tài sản công: Đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo các cơ quan có liên quan về hạch toán nhập, theo dõi tài sản công trên địa bàn về tính chính xác, cập nhật đầy đủ các thông tin, sự biến động tài sản tại đơn vị, địa phương để việc lập, tổng hợp BCTCNN những năm tiếp theo đảm bảo chính xác đầy đủ kịp thời.

+ Về quản lý công trình xây dựng cơ bản dở dang: Tăng cường các giải pháp giải ngân vốn đầu tư công, nhanh chóng đưa công trình vào sử dụng từ đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.



- Đối với Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước: Tiếp tục hướng dẫn để công tác tổng hợp, lập BCTCNN được đầy đủ, chính xác; Số liệu báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động tài chính trong khu vực nhà nước của tỉnh; Hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác phân tích, đánh giá số liệu báo cáo nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của các cấp lãnh đạo trên địa bàn tỉnh.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tài chính;
- Ban lãnh đạo KBĐN;
- Lưu: VT, KTNN. (07 bản)



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đào Văn Kỳ**

